



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ VP: 314 Trường Chinh - Phường 13 - Q.Tân Bình - TP.HCM
Địa chỉ PTN: 41 Trần Hưng Đạo - Phường Tân Thành - Q.Tân Phú - TP.HCM
Tel: (028) 3810 7632 - Email: moitruongnangluongecc@gmail.com



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 137

Nơi lấy mẫu : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM- CTCP
- XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU NHÀ BÈ

Địa chỉ : Ấp 4, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, TP HCM

Vị trí lấy mẫu : DAT01- Đất đối diện bồn chứa xăng dầu 5.000 m³, độ sâu 0-20cm (tầng nông)
DAT02- Đất tại khu vực thoát nước thải của kho trước khi ra sông Nhà Bè

Mô tả mẫu : Mẫu đựng trong bao nilon

Phương pháp lấy mẫu : Đất – TCVN 7538-2:2005 (ISO 10381-2:2002)

Ngày lấy mẫu : 03/06/2025

Phiếu yêu cầu : YC-25.06-277

Mã số hóa mẫu : EEC-25.06-DAT25

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		QCVN 03: 2023/BTNMT (Loại 3)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			DAT01	DAT02		
01	Asen (As) ^(P)	mg/kg	2,30	0,833	200	US EPA Method 3050B US EPA Method 7062
02	Cadimi (Cd) ^(P)	mg/kg	KPH	KPH	60	US EPA Method 3051A US EPA Method 7010
03	Chì (Pb) ^(P)	mg/kg	KPH	KPH	700	US EPA Method 3051A US EPA Method 7000B
04	Kẽm (Zn) ^(P)	mg/kg	146	99,5	2000	US EPA Method 3051A US EPA Method 7000B
05	Đồng (Cu) ^(P)	mg/kg	77,9	55,3	2000	US EPA Method 3051A US EPA Method 7000B
06	Crom (Cr) ^(P)	mg/kg	112	128	250	US EPA Method 3051A US EPA Method 7010

Phụ trách phòng thí nghiệm

Mạc Đình Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 06 năm 2025
Giám Đốc

TRUNG TÂM
MÔI TRƯỜNG VÀ
NĂNG LƯỢNG

Trần Hải Nam

Ghi chú:

1. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
2. (P): Thông số gửi nhà thầu phụ

3. PTN được công nhận ISO 17025:2017 và Vimecerts
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày sau khi trả kết quả

BM02/QT16/PTN

Trang 1/1



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ VP: 314 Trường Chinh - Phường 13 - Q.Tân Bình - TP.HCM
Địa chỉ PTN: 41 Trần Hưng Đạo - Phường Tân Thành - Q.Tân Phú - TP.HCM
Tel: (028) 3810 7632 - Email: moitruongnangluongeecc@gmail.com



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 137

Nơi lấy mẫu : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM- CTCP**
- XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU NHÀ BÈ
Địa chỉ : Ấp 4, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, TP.HCM
Tên mẫu : Không khí
Lấy mẫu trong điều kiện : Cơ sở đang hoạt động bình thường

Ngày lấy mẫu : 03/06/2025
Phiếu yêu cầu số : YC-25.06-277
Mã số hóa mẫu : EEC-25.06-KK114

STT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	Bụi (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	Tiếng ồn (dBA)	Chì (Pb) ^(P) (mg/m ³)	Benzen ^(P) (mg/m ³)	CxHy ^(P) (mg/m ³)
01	Khu vực cổng chính X=0609836;Y=1181324	0,06	0,07	4,32	0,04	62 - 64	KPH	0,005	0,03
02	Khu vực trạm xử lý nước thải X=0610067;Y=1181591	0,03	0,04	2,65	0,02	58 - 61	KPH	0,002	0,05
03	Khu vực nhà phát điện dự phòng số 1 và số 2 X=0609857;Y=1181411	0,05	0,06	5,21	0,03	63 - 65	KPH	0,003	KPH
04	Khu vực bồn chứa 20.000 m ³ X=0609842;Y=1181511	0,04	0,03	3,84	0,02	60 - 62	KPH	0,002	0,04
05	Khu vực bồn chứa 5.000 m ³ X=0609917;Y=1181485	0,03	0,05	4,02	0,03	62 - 64	KPH	0,004	0,05
06	Khu vực bồn chứa 10.000 m ³ X=0609969;Y=1181482	0,05	0,04	4,47	0,05	61 - 63	KPH	0,005	0,04
07	Khu vực nhà bơm công nghệ X=0609855;Y=1181492	0,07	0,04	4,63	0,02	74 - 76	KPH	0,004	0,06
08	Khu vực xuất bộ cho oto xitec X=0609993;Y=1181824	0,06	0,05	5,17	0,04	66 - 68	KPH	0,006	0,04
09	Khu vực kiểm định X=0609853;Y=1181477	0,04	0,03	3,04	0,05	64 - 66	KPH	KPH	KPH

Ghi chú:

1. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
2. (P): Thông số gửi nhà thầu phụ

3. PTN được công nhận ISO 17025:2017 và Vimecerts
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày sau khi trả kết quả

STT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	Bụi (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	Tiếng ồn (dBA)	Chì (Pb) ^(P) (mg/m ³)	Benzen ^(P) (mg/m ³)	CxHy ^(P) (mg/m ³)
10	Khu vực cảng nhập 5.000 DWT X=0610238;Y=1181823	0,06	0,05	4,84	0,06	57 - 59	KPH	KPH	KPH
11	Khu vực cảng nhập 40.000 DWT X=0610130;Y=1181707	0,08	0,04	3,76	0,03	62 - 64	KPH	KPH	KPH
PHƯƠNG PHÁP THỬ		TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	HD/PTN/CO	TCVN 6137:2009	TCVN 7878-2: 2018	TCVN 6152:1996	NIOSH Method 1501	NIOSH Method 1500
QCVN 05 : 2023/BTNMT Trung bình 1h		0,30	0,35	30	0,20	-	-	0,022	5
QCVN 26:2010/BTNMT KV Thông thường từ 6h đến 21h		-	-	-	-	70	-	-	-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 06 năm 2025

Phụ trách phòng thí nghiệm

Mạc Đình Long



Trần Hải Nam

Ghi chú:

1. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
2. (P): Thông số gửi nhà thầu phụ

3. PTN được công nhận ISO 17025:2017 và Vimeerts
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày sau khi trả kết quả

BM02/QT16/PTN

Trang 2/2



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ VP: 314 Trường Chinh - Phường 13 - Q. Tân Bình - TP. HCM
Địa chỉ PTN: 41 Trần Hưng Đạo - Phường Tân Thành - Q. Tân Phú - TP. HCM
Tel: (028) 3810 7632 - Email: moitruongnangluongecc@gmail.com



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 137

Nơi lấy mẫu :
Địa chỉ : Ấp 4, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, TP HCM
Tên mẫu : Mẫu nước thải sinh hoạt tại hồ ga đầu nối vào hệ thống thoát nước chung (10.4048084N 106.4518636E)
Mô tả mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa 5 lít
Phương pháp lấy mẫu : Nước thải – TCVN 5999:1995 (ISO 5667 :10:1992)

Ngày lấy mẫu : 03/06/2025
Phiếu yêu cầu : YC-25.06-277
Mã số hóa mẫu : EEC-25.06-NT220

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 14 : 2008/BTNMT		PHƯƠNG PHÁP THỬ
				A	B	
01	pH	-	7,46	5 – 9	5 – 9	TCVN 6492 : 2011
02	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	11,83	50	100	TCVN 6625 : 2000
03	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	222	500	1000	HD/TDS
04	Amoni (tính theo N)	mg/l	7,32	5	10	SMEWW 4500-NH3-B&F: 2023
05	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,28	1	4	SMEWW 4500 S2-.B&D: 2023
06	BOD ₅ (20 °C)	mgO ₂ /l	19,25	30	50	TCVN 6001 – 1: 2008
07	COD	mg/l	42,6	-	-	SMEWW 5220C: 2023
08	Nitrate (NO ₃ -) (tính theo N)	mg/l	0,28	30	50	SMEWW 4500-NO3-E: 2023

Ghi chú:

1. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
2. (P): Thông số gửi nhà thầu phụ

3. PTN được công nhận ISO 17025:2017 và Vimecerts
4. Thời gian lưu mẫu là 65 ngày sau khi tra kết quả

BM02 Q116/PTN

Trang 1/2

09	Photphate (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	0,59	6	10	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Dầu mỡ động thực vật ^(P)	mg/l	3,28	10	20	US EPA METHOD 1664
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt ^(P)	mg/l	0,43	5	10	TCVN 6636 : 1998
12	Tổng coliforms ^(P)	MPN/100ml	$3,4 \times 10^3$	3000	5000	TCVN 6187 – 2 – 1996

Phụ trách phòng thí nghiệm


Mạc Đình Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 06 năm 2025

Giám Đốc




Trần Hải Nam

Ghi chú:

1. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
2. (P): Thông số gửi nhà thầu phụ

3. PTN được công nhận ISO 17025:2017 và Vincerts
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày sau khi trả kết quả



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ VP: 314 Trường Chinh - Phường 13 - Q. Tân Bình - TP.HCM
Địa chỉ PTN: 41 Trần Hưng Đạo - Phường Tân Thành - Q. Tân Phú - TP.HCM
Tel: (028) 3810 7632 - Email: moitruongnangluongecc@gmail.com



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 137

Nơi lấy mẫu : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM- CTCP
- XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU NHÀ BÈ
Địa chỉ : Ấp 4, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, TP.HCM
Tên mẫu : Mẫu nước thải sản xuất lấy tại đầu ra hệ thống xử lý tập trung
40m³/h. (10.682912N 106.758050E)
Mô tả mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa 2 lít
Phương pháp lấy mẫu : Nước thải – TCVN 5999 : 1995 (ISO 5667:10:1992)

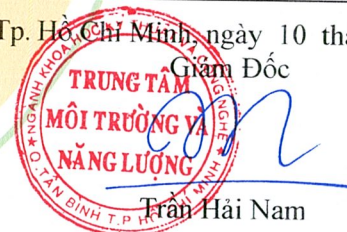
Ngày lấy mẫu : 03/06/2025
Phiếu yêu cầu : YC-25.06-277
Mã số hóa mẫu : EEC-25.06-NT218

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 29:2010/BTNMT CỘT B (Kho)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
01	pH	-	8,11	5,5 – 9,0	TCVN 6492 : 2011
02	COD	mg/l	109,9	100	SMEWW 5220 C: 2023
03	TSS	mg/l	9,17	100	TCVN 6625 : 2000
04	Tổng dầu mỡ khoáng ^(P)	mg/l	4,61	15	US EPA METHOD 1664

Phụ trách phòng thí nghiệm

Mạc Đình Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 06 năm 2025



Ghi chú:

1. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
2. (P): Thông số gửi nhà thầu phụ

3. PTN được công nhận ISO 17025:2017 và Vimcerts
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày sau khi trả kết quả

BM02-QH/PTN

Trang 1/1



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ VP: 314 Trường Chinh - Phường 13 - Q. Tân Bình - TP.HCM
Địa chỉ PTN: 41 Trần Hưng Đạo - Phường Tân Thành - Q. Tân Phú - TP.HCM
Tel: (028) 3810 7632 - Email: moitruongnangluongecc@gmail.com



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Nơi lấy mẫu : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM- CTCP
- XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU NHÀ BÈ
Địa chỉ : Ấp 4, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, TP HCM
Tên mẫu : Mẫu nước thải sản xuất lấy tại đầu ra hệ thống xử lý tập trung
45m³/h. (10.682912N 106.758050E)
Mô tả mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa 2 lít
Phương pháp lấy mẫu : Nước thải – TCVN 5999 : 1995 (ISO 5667:10:1992)

VIMCERTS 137

Ngày lấy mẫu : 03/06/2025

Phiếu yêu cầu : YC-25.06-277

Mã số hóa mẫu : EEC-25.06-NT219

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 29:2010/BTNMT CỘT B (Kho)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
01	pH	-	7,31	5,5 – 9,0	TCVN 6492 : 2011
02	COD	mg/l	75,7	100	SMEWW 5220 C: 2023
03	TSS	mg/l	13,3	100	TCVN 6625 : 2000
04	Tổng dầu mỡ khoáng ^(P)	mg/l	4,12	15	US EPA METHOD 1664

Phụ trách phòng thí nghiệm

Mạc Đình Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 06 năm 2025



Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
- (P): Thông số gửi nhà thầu phụ

- PTN được công nhận ISO 17025:2017 và Vimecerts
- Thời gian lưu mẫu là 95 ngày sau khi tra kết quả

BM02-QT16/PTN

Trang 1/1